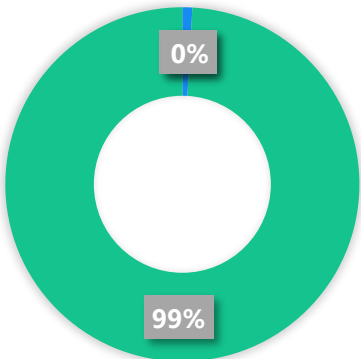


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,900
SL cổ phiếu LH		120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		347,710
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		397
P/E		14.1
EPS		233

	YTD	1T	3T	6T
MBG		10.0%	0.0%	-17.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

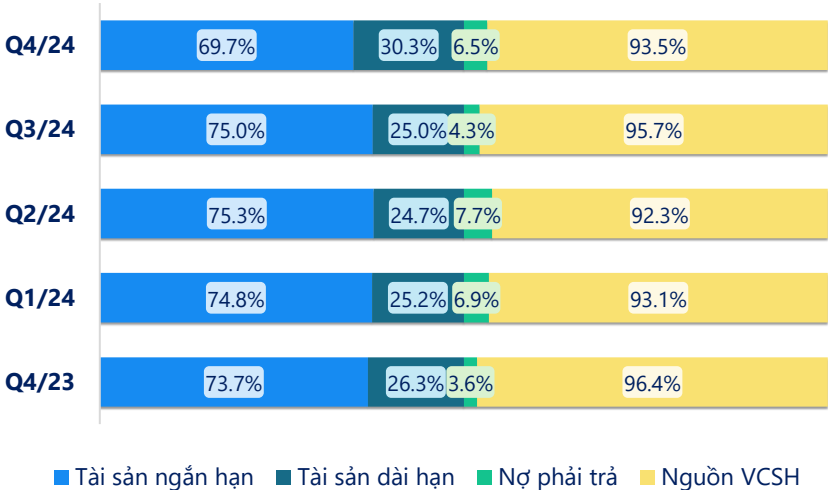
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

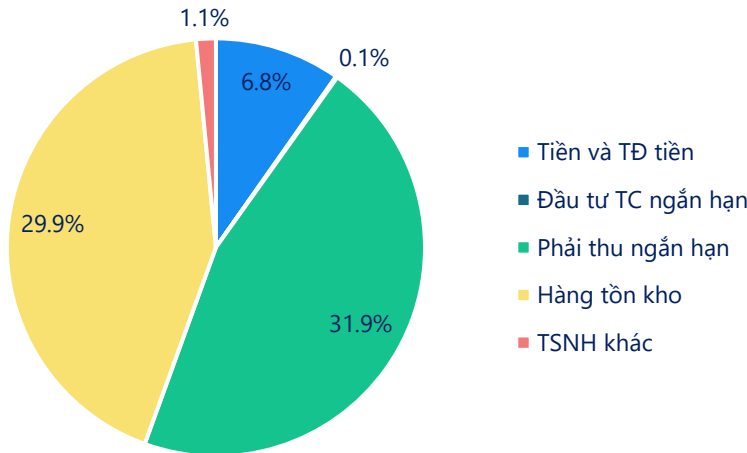
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

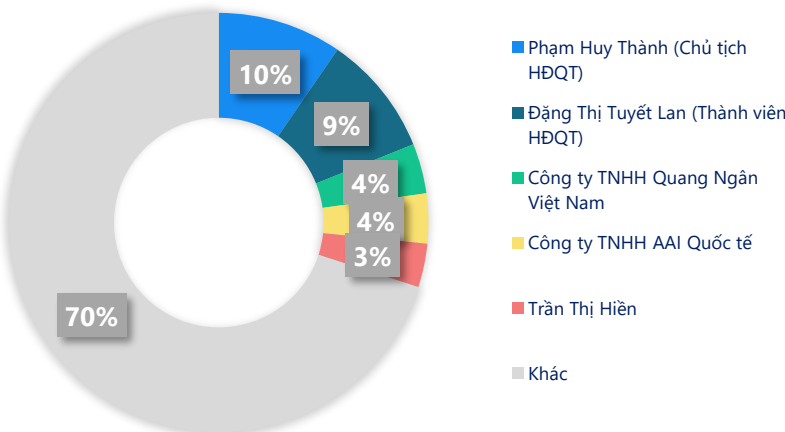
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

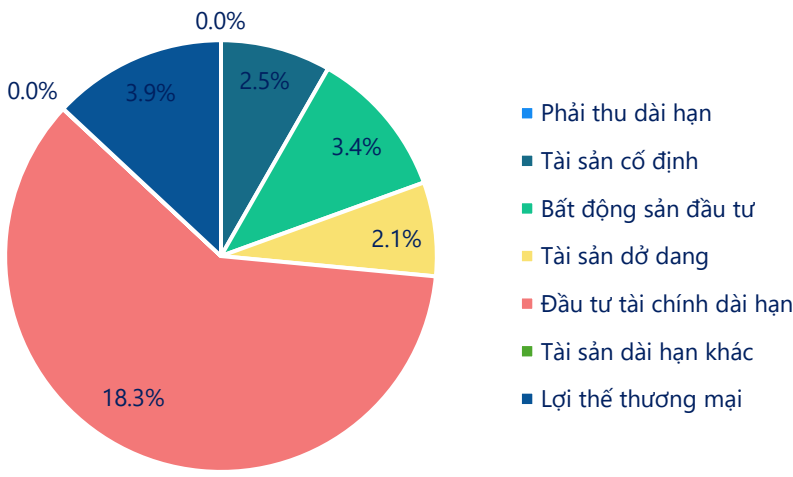
Cơ cấu cổ đông



- Phạm Huy Thành (Chủ tịch HĐQT)
- Đặng Thị Tuyết Lan (Thành viên HĐQT)
- Công ty TNHH Quang Ngân Việt Nam
- Công ty TNHH AAI Quốc tế
- Trần Thị Hiền
- Khác

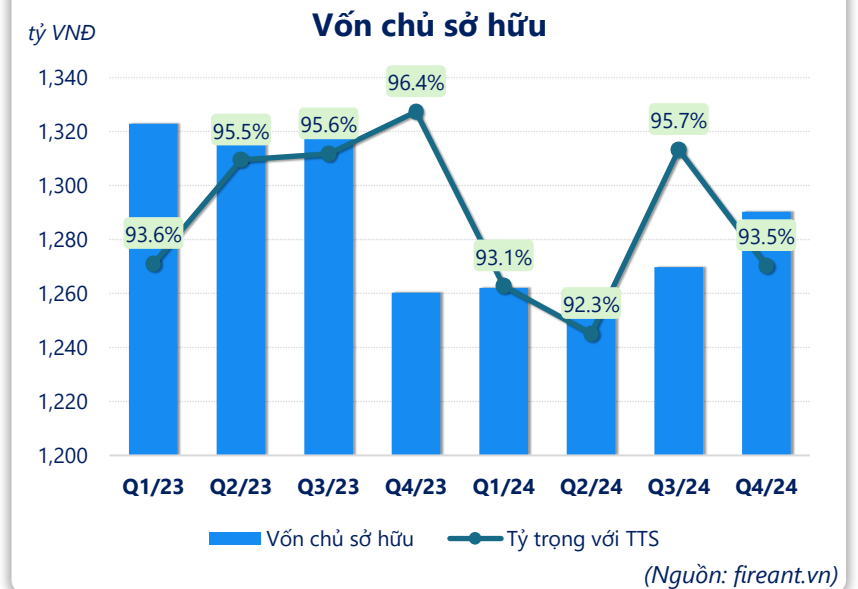
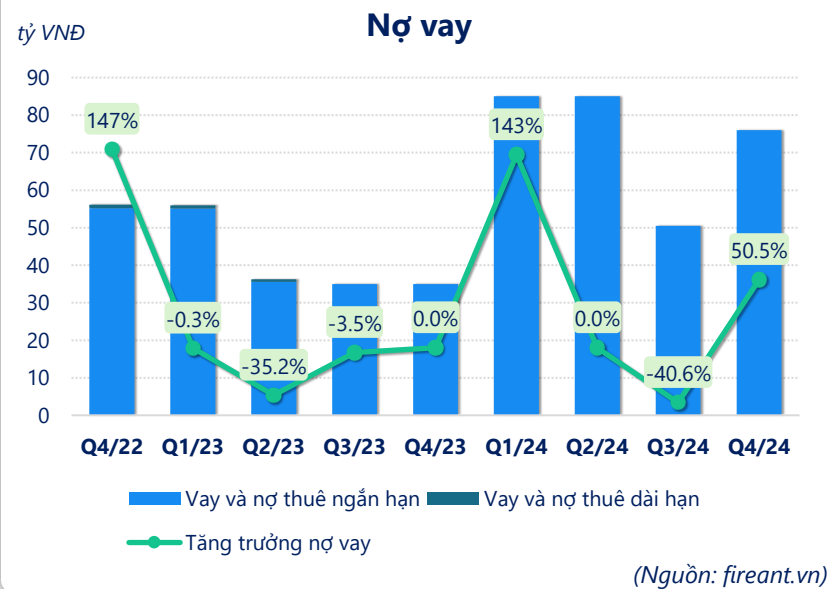
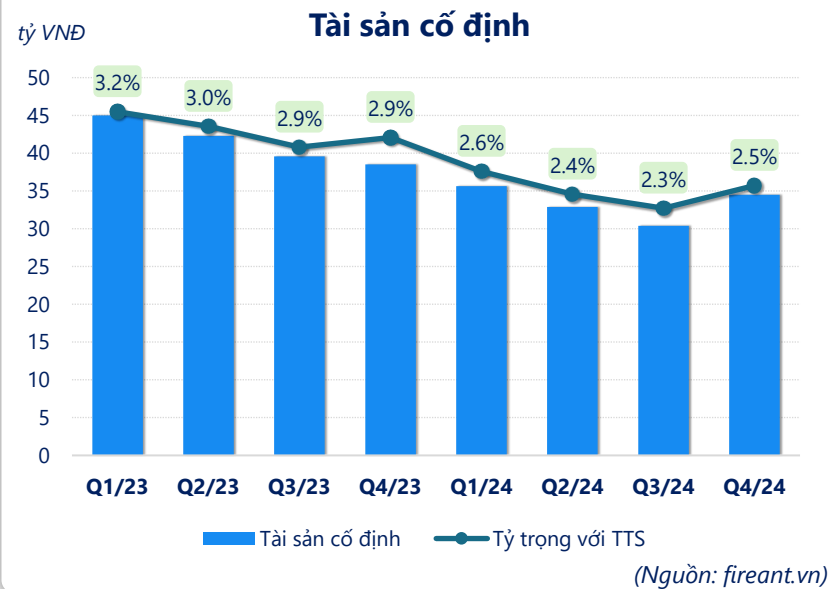
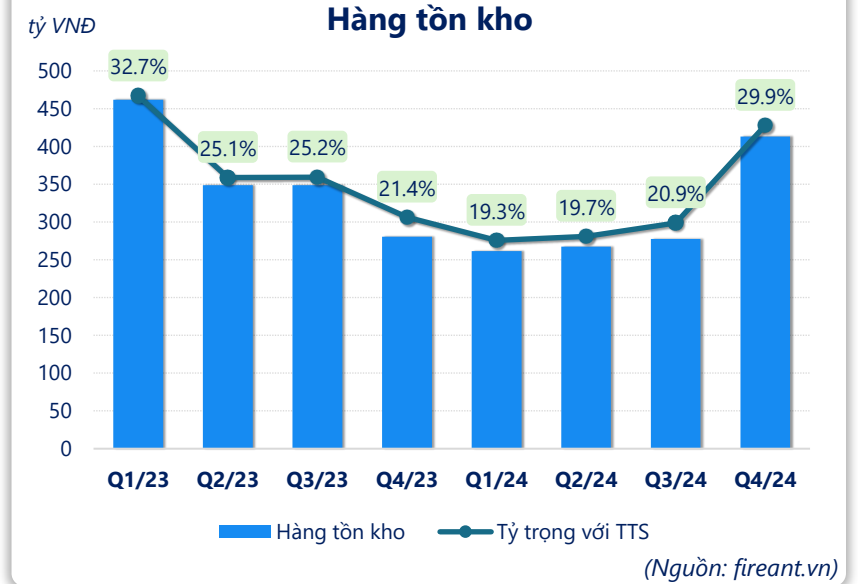
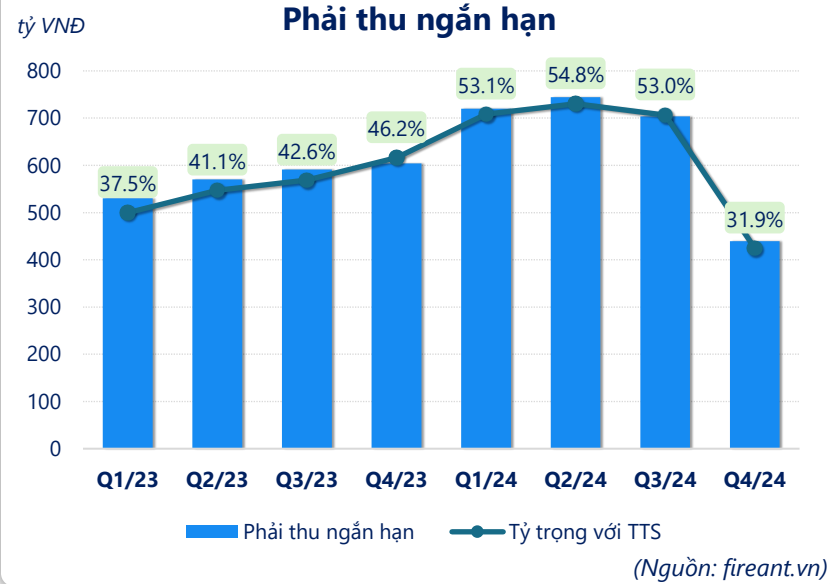
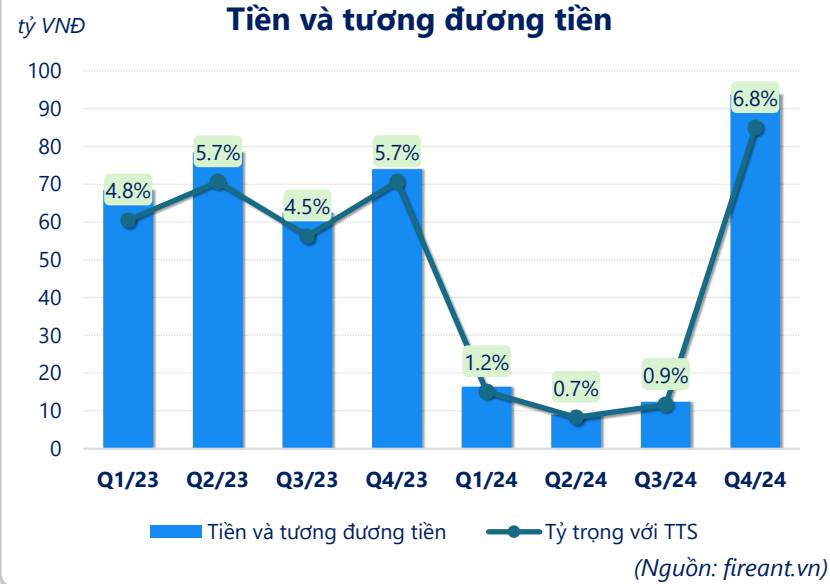
(Nguồn: fireant.vn)

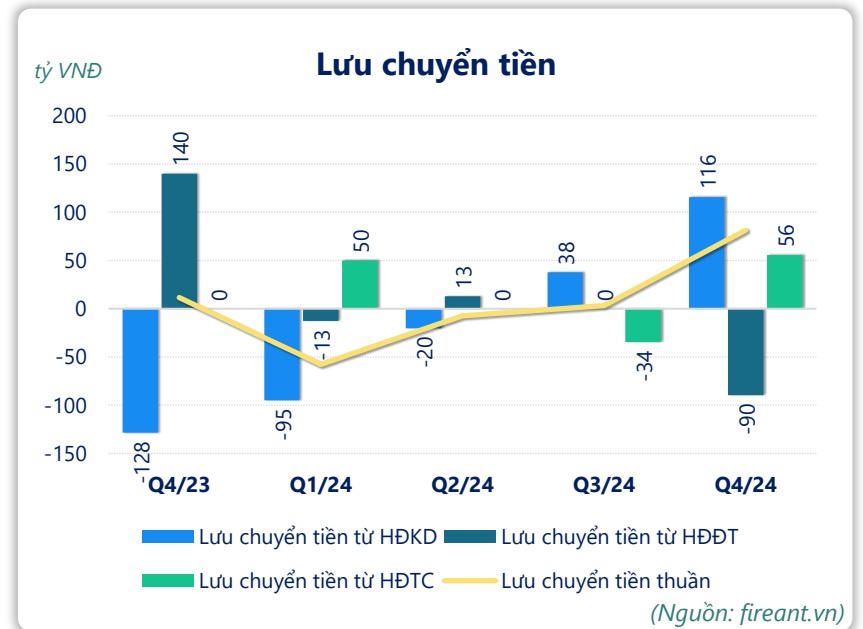
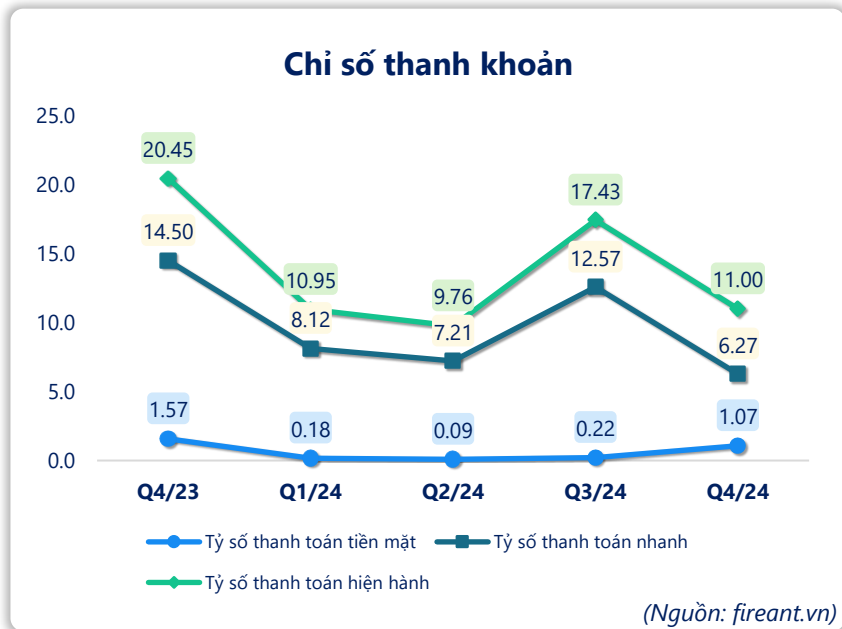
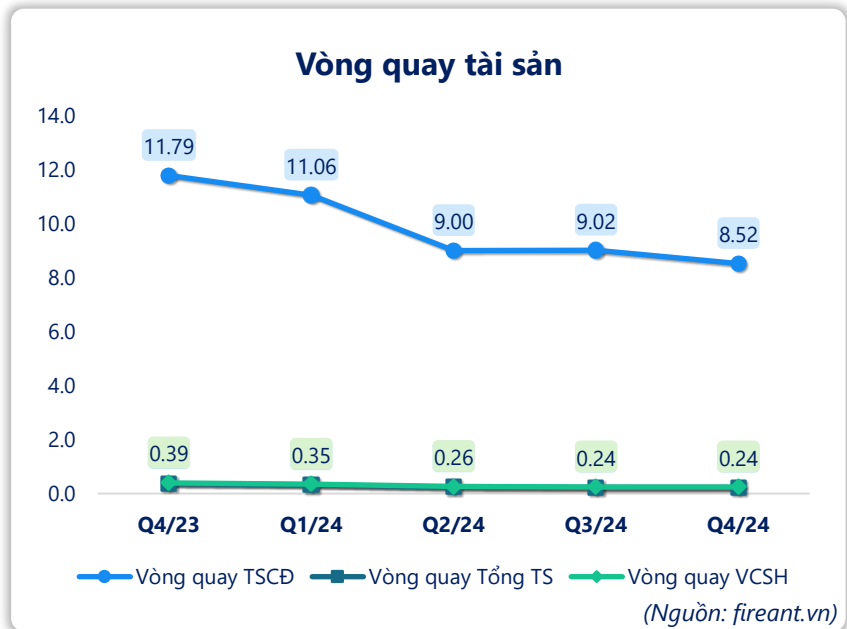
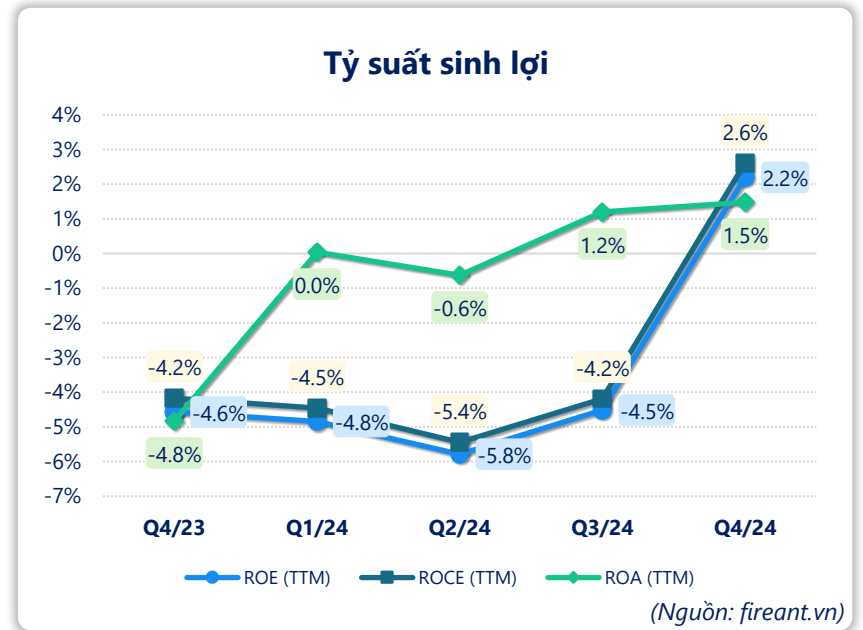
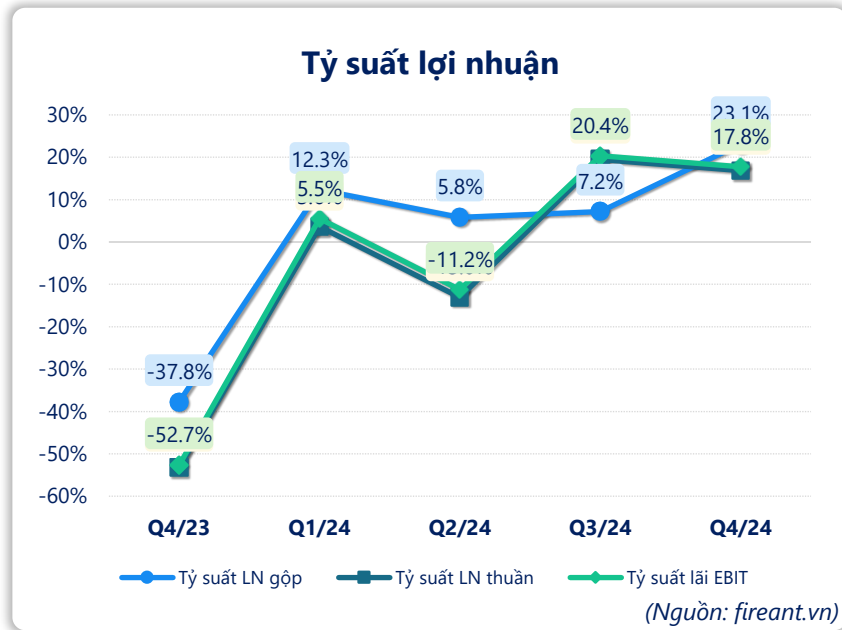
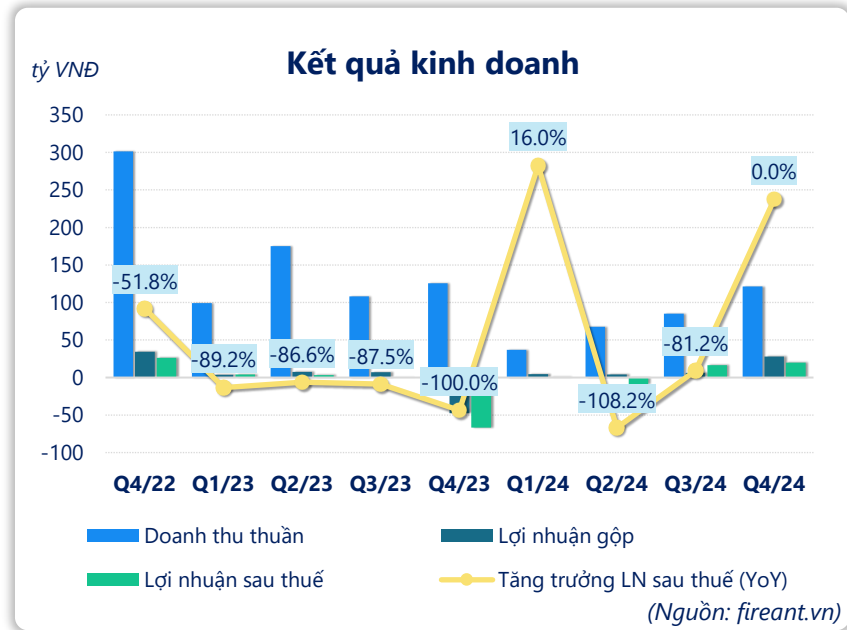
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,380	1,309	5.4%
Tài sản ngắn hạn	962	963	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	93.8	74.0	26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.10	1.45	-24.1%
Phải thu ngắn hạn	439	604	-27.3%
Hàng tồn kho	413	280	47.3%
Tài sản ngắn hạn khác	14.7	3.11	373%
Tài sản dài hạn	418	346	20.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	34.5	38.5	-10.4%
Bất động sản đầu tư	46.8	48.0	-2.5%
Tài sản dở dang	29.4	2.94	898%
Đầu tư tài chính dài hạn	252	253	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	0.10	3.13	-96.8%
Lợi thế thương mại	54.5	0	
Nợ phải trả	89.5	47.3	89.2%
Nợ ngắn hạn	87.5	46.9	86.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.0	35.0	117%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.73	6.89	12.2%
Nợ dài hạn	1.97	0.40	391%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,290	1,262	2.3%
Vốn chủ sở hữu	1,290	1,262	2.3%
Vốn điều lệ	1,202	1,202	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	126	37.0	67.5	85.3	121
Giá vốn hàng bán	173	32.4	63.6	79.2	93.3
Lợi nhuận gộp	-47.5	4.55	3.92	6.13	28.1
Doanh thu HĐTC	4.03	0.17	0.87	0.04	0.18
Chi phí TC	0.51	0.75	1.09	0.96	0.98
Chi phí lãi vay	0.51	0.75	1.09	0.96	0.98
LN trong công ty LKLD	-6.73	0.03	-2.13	-0.70	2.08
Chi phí bán hàng	0.27	0.12	-0.01	0.00	0
Chi phí QLDN	16.0	2.54	10.4	-12.1	8.93
LN thuần từ HĐKD	-67.0	1.35	-8.80	16.6	20.4
Lợi nhuận khác	0.23	-0.05	0.13	-0.19	0.18
LN trước thuế	-66.8	1.29	-8.68	16.4	20.6
Lợi nhuận sau thuế	-66.8	0.52	-8.60	16.3	19.9
LNST của CĐ cty mẹ	-66.8	0.52	-8.60	16.3	19.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-128	-95.0	-20.2	37.6	116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	140	-12.6	12.9	0.23	-89.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	50.0	0	-34.5	55.6
Tiền đầu kỳ	62.4	74.0	16.3	9.04	12.4
Lưu chuyển tiền thuần	11.5	-57.6	-7.31	3.34	81.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.0	16.3	9.04	12.4	93.8

(Nguồn: fireant.vn)